

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

Căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 21 tháng 3 năm 2022, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Người khởi kiện: Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1975; Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981.

Đều địa chỉ: phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện: Chị Trương Thị Gi, sinh năm 1976

Địa chỉ: phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án theo hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số 23/2022/CNKQHGT ngày 21 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến khác về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

Người khởi kiện: Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1975; Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981.

Đều địa chỉ: phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện: Chị Trương Thị Gi, sinh năm 1976

Địa chỉ: phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

Về tiền nợ: Ngày 16/5/2020 chị Gi có vay của chị Th, anh M số tiền 256.000.000đ(Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng). Hai bên thỏa thuận mỗi tháng chị Gi trả cho anh M, chị Th 3.000.000đ.

Trong thời gian vay chị Gi mới trả cho anh M, chị Th được số tiền 6.000.000đ.

Chị Giang còn nợ của chị Th, anh M số tiền là 250.000.000đ(Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Các bên thống nhất thỏa thuận xác định công nợ như sau:

Chị Trương Thị Gi còn nợ anh Nguyễn Quang M, chị Nguyễn Thị Th số tiền tính đến ngày 21/3/2022 là 250.000.000đ(Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Về tiền lãi: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phương thức trả nợ: Chị Trương Thị Gi có trách nhiệm trả cho anh M, chị Th mỗi tháng là 3.000.000đ(Ba triệu đồng).

Thời hạn trả nợ: Trả vào ngày 25 hàng tháng, kể từ tháng 4/2022 cho đến khi chị Gi trả hết số tiền nợ cho anh M và chị Th.

Nếu chị Trương Thị Gi vi phạm bất kỳ thời gian và phương thức trả nợ như đã thỏa thuận nêu trên thì chị Th, anh M có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu chị Gi phải trả toàn bộ số tiền trên quy định của pháp luật.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc hội, đương sự không phải chịu lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h.Hoàng Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.Hoàng Hóa;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Phương

